

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/DS-ST

Ngày: 22-02-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Minh Lý;
- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 541/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tran Kim N, sinh năm 1961; địa chỉ: Số A, khu phố B, phường M, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Vo Thanh T, sinh năm 1968, vắng mặt;

2.2. Bà Nguyen Thi Đ, vắng mặt;

Địa chỉ: Số C, đường D, Tổ 25, Khu phố 3, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tran Kim N trình bày:

Bà Tran Kim N có cho vợ chồng ông Vo Thanh T và bà Nguyen Thi Đ vay tiền 02 lần với tổng số tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 06/02/2023, bà Đ và ông T đến nhà bà N hỏi vay số tiền 10.000.000 đồng, khi vay bà Đ có viết giấy tay có nội dung vay của bà N 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, ông T và bà Đ nói mượn đỡ 01 tháng nên bà N không lấy lãi. Mặc dù giấy vay tiền để tên ông T nhưng khi bà N cho vay tiền có mặt bà Đ, bà Đ là người viết giấy vay tiền và ông T ký ghi họ tên.

- Ngày 07/3/2023, bà Đ và ông T đến nhà bà N hỏi vay số tiền 55.000.000 đồng, khi vay bà Đ có viết giấy tay có nội dung vay của bà N 55.000.000 đồng, mỗi tháng trả góp cho bà N 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ông T và bà Đ cùng vay tiền của

bà N để đóng hui. Mặc dù giấy vay tiền để tên bà Đnhưng khi bà N cho vay tiền có mặt bà Đvà ông T, bà N giao tiền cho cả hai vợ chồng.

Kể từ khi vay đến nay ông T và bà Đchưa trả cho bà N số tiền nào. Do đó, bà N yêu cầu ông T và bà Đphải trả cho bà N số tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Hiện nay bà N còn giữ bản chính căn cước công dân của ông T, khi nào vợ chồng ông T và bà Đtrả hết nợ, bà N sẽ trả lại căn cước công dân cho ông T.

*** Đối với bị đơn ông Vo Thanh T và bà Nguyen Thi Đ:** Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố đối với vụ án.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Tran Kim N có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Vo Thanh T và bà Nguyen Thi Đ đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Tran Kim N yêu cầu ông Vo Thanh T và bà Nguyen Thi Đ trả số tiền đã vay là 65.000.000 đồng nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bị đơn ông Vo Thanh T và bà Nguyen Thi Đ cư trú tại phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3]. Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Nguyên đơn bà Tran Kim N đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Vo Thanh T và bà Nguyen Thi Đ đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Nguyên đơn bà Tran Kim N khởi kiện yêu cầu ông Vo Thanh T và bà Nguyen Thi Đ trả số tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng; để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà N đã giao nộp 01 giấy mượn tiền đề ngày 06/02/2023 và 01 giấy mượn nợ đề ngày 07/03/2023.

[2.2] Giấy mượn tiền ngày 06/02/2023 có nội dung ông Vo Thanh T mượn của dì Mười N (bà Tran Kim N) số tiền 10.000.000 đồng, ông T có để lại căn cước để làm tin, thời gian trả là 01 tháng, không thể hiện lãi suất và mục đích vay. Giấy mượn tiền có chữ viết họ tên, chữ ký xác nhận của ông Vo Thanh T.

[2.3] Giấy mượn tiền nợ đề ngày 07/03/2023 có nội dung bà Nguyen Thi Đ mượn bà Mười N (bà Tran Kim N) số tiền 55.000.000 đồng; mỗi tháng trả 4.000.000 đồng đến khi hết nợ, thời gian trả bắt đầu từ ngày 08/04/2023 cho đến khi hết nợ. Giấy mượn nợ có dấu vân tay, chữ viết họ tên và chữ ký xác của bà Nguyen Thi Đ.

[2.4] Bà N cho rằng ông T và bà Đ không thực hiện việc trả nợ theo đúng cam kết trong giấy mượn nợ nên bà khởi kiện yêu cầu ông T và bà Đ trả số tiền gốc là 65.000.000 đồng. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ông T và bà Đ không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến đối với vụ án và cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh đã trả nợ cho bà N. Khi vay tiền ông T có giao cho bà N bản chính căn cước công dân của ông T, hiện nay bà N còn giữ căn cước của ông T do đó có cơ sở để xác định ông T, bà Đ chưa thanh toán nợ cho bà N. Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”, tuy nhiên cho đến nay ông T và bà Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà N là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Mặc dù giấy vay tiền đề ngày 06/02/2023 thể hiện người vay là ông T và giấy vay tiền đề ngày 07/03/2023 thể hiện người vay là bà Nguyen Thi Đ nhưng khi vay tiền có mặt cả ông T, bà Đ và bà Đ là người viết giấy nợ nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T và bà Đ cùng liên đới thanh toán số tiền nợ gốc 65.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.5] Về lãi suất: Bà Tran Kim N không yêu cầu ông Vo Thanh T và bà Nguyen Thi Đ phải trả lãi nên không xem xét.

[2.6] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tran Kim N đối với ông Vo Thanh T và bà Nguyen Thi Đ. Ông Vo Thanh T và bà Nguyen Thi Đ có trách nhiệm thanh toán cho bà Tran Kim N số tiền gốc là 65.000.000 đồng. Bà Tran Kim N có trách nhiệm trả cho ông Vo Thanh T bản chính căn cước công dân số 074068004110 do Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp cho ông Vo Thanh T ngày 30/06/2022.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của bà Tran Kim N được chấp nhận nên bà N không phải chịu án phí; bà Nguyen Thi Đ và ông Vo Thanh T phải liên đới chịu án phí đối với số tiền 65.000.000 đồng tương đương án phí là 3.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 235, Điều 238, Điều 254, Điều 266, Điều 267, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tran Kim N đối với bị đơn ông Vo Thanh T và bà Nguyen Thi Đ về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”:

- Bà Nguyen Thi Đ và ông Vo Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho bà Tran Kim N số tiền 65.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Bà Tran Kim N trả lại cho ông Vo Thanh T bản chính căn cước công dân số 074068004110 do Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp cho ông Vo Thanh T ngày 30/6/2022.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Vo Thanh T và bà Nguyen Thi Đ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.250.000 đồng.

- Bà Tran Kim N thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nga